TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:16/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 22/4/2021
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy
Bà Lê Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa: Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự, thụ lý số 19/2021/TLPT-HNGĐ ngày 22/3/2021, về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 02/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2021/QĐ-PT ngày 06/4/2020, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985
Trú tại: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Thanh hoá

**** Bị đơn:*** Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1985
Trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Thanh hoá
Hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 2 tỉnh Thanh Hóa

****Người làm chứng*:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950
Trú tại: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Thanh hoá

Tại phiên tòa có mặt chị D, bà V; vắng mặt anh S (anh S có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc S kết hôn với nhau ngày 28/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung cùng với bố mẹ chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khi chị sinh con gái đầu chị phát hiện anh S sử dụng chất kích thích là ma túy, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Trước đây, gia đình đã cho anh đi cai nghiện hai năm. Trong thời gian anh S đi cai chị ở nhà nuôi dưỡng con cái và đi thăm nuôi anh S. Anh S cai nghiện về đi làm bình thường ở công ty may. Khi chị mang thai con thứ hai được 4 tháng thì anh S lại tiếp tục quay lại sử dụng ma túy. Chị không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên đã về nhà mẹ đẻ sống và sinh con. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Đối với anh S: Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cơ sở cai nghiện ma túy số 2 tỉnh Thanh Hóa tại bản Cang, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa. Ngày 10/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 05/2020/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng. Tại bản tự khai ngày 24/11/2020, bị đơn anh Phạm Ngọc S trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị D trong đơn khởi kiện. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung: cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Phạm Hoài Ph , sinh ngày 01/9/2013. Chị D có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có nguyện vọng được nuôi cháu Th và cũng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh S. Qua anh S bà biết chị D làm đơn xin ly hôn. Năm 2006, anh S kết hôn với chị D. Năm 2011, chị D bỏ lại con nhỏ cho anh S và ông bà nội nuôi ăn học. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không quan tâm đến con. Nay bà đề nghị khi anh S cai nghiện về Tòa án xét xử có mặt anh S và giải quyết cho cháu Th ở với anh S và ông bà nội.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 02/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Áp dụng: Điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 273 Bộ luật TTDS. Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị D được ly hôn anh S.

Về con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 04/6/2008 và cháu Phạm Hoài Ph , sinh ngày 01/9/2013. Giao cả 02 cháu Th và cháu Ph cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên. Chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Ngọc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 03/02/2021 anh Phạm Ngọc S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 04/6/2008 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị V (mẹ anh S) và cháu Phạm Phương Th có đơn trình bày: từ khi chị D bỏ về nhà mẹ đẻ đến nay, cháu Th vẫn ở với anh S do anh S và bà V chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà V và cháu Th có nguyện vọng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giao cháu Th cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu trưởng thành

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh S vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyện vọng của anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th; chị D đề nghị được nuôi cả hai cháu không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh S có đơn đề nghị xử vắng mặt được Tòa án chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Ngọc S với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao con chung Phạm Phương Th, sinh ngày 04/6/2008 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, thì thấy rằng: Hiện nay anh S đang bị áp dụng biện pháp

xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 2 tỉnh Thanh Hóa, tại bản Cang, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa. Vì vậy, không thể giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng được, án sơ thẩm giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung sau ly hôn. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh S, cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần giao nuôi con là phù hợp pháp luật.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Phạm Ngọc S phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Ngọc S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 02/02/2021 của Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy về phần giao nuôi con.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh S phải nộp 300.000đ, đã nộp đủ tại biên lai thu số 3737, ngày 01/3/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện Cẩm Thủy.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm tuyên có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Tòa án ND huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga